

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN ANH HOÀNG

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ
SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN ANH HOÀNG

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ
SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM**

Ngành đào tạo: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 9380104

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. ĐỖ THỊ PHƯỢNG

2. PGS. TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH

Hà Nội – 2026

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
HĐXX	Hội đồng xét xử
TTHS	Tố tụng hình sự

MỞ ĐẦU

Nhằm bổ sung kho tàng lý luận và hoàn thiện pháp luật TTHS; nâng cao chất lượng, năng lực xét xử và địa vị của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; bảo đảm sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm trong xét xử; bảo đảm sự công bằng, bình đẳng giữa bên buộc tội và gỡ tội; bảo đảm các quyền của người bị buộc tội nói chung và bị cáo nói riêng cũng như cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và tiếp cận với các quy định của pháp luật quốc tế về nhân quyền trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa mà tác giả chọn đề tài *“Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam”* để thực hiện luận án tiến sĩ của mình

Mục đích nghiên cứu của Luận án là trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và từ những phân tích và đánh giá về thực tiễn, luận án đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trong đó bao gồm giải pháp về hoàn thiện pháp luật TTHS và một số giải pháp khác.

Luận án có nhiệm vụ làm rõ một số vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Phân tích và đánh giá các quy định của luật TTHS Việt Nam và thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thông qua việc khái quát và phân tích các số liệu thống kê, các bản án điển hình để từ đó nêu ra những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó và làm rõ các yêu cầu bảo đảm và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thông

qua việc kiến nghị các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS và các giải pháp hoàn thiện khác.

Đối tượng nghiên cứu của luận án được xác định là việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thông qua việc nghiên cứu những vấn đề lý luận, những quy định pháp luật, thực tiễn thi hành và các giải pháp bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Phạm vi nghiên cứu của luận án được thực hiện dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành luật TTHS về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; bị cáo được nghiên cứu ở đây chỉ là cá nhân phạm tội.

Luận án có ý nghĩa đối với việc hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật TTHS nói riêng, đóng góp thêm vào sự phát triển lý luận của pháp luật TTHS trong việc bảo đảm quyền con người trong TTHS nói chung và quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Ngoài ra, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan lập pháp trong việc hoàn thiện pháp luật TTHS, đồng thời cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1. *Khái niệm, đặc điểm bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

Để hiểu thế nào là bảo đảm quyền con người thì trước tiên cần hiểu rõ khái niệm bảo đảm như sau: “Bảo đảm là làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được hoặc có đầy đủ những gì cần thiết”¹. Từ khái niệm về bảo đảm đã phân tích ở trên thì khi đặt trong chủ thể là quyền con người thì khái niệm bảo đảm quyền con người được Nghiên cứu sinh tiếp cận với nội dung như sau: *Bảo đảm quyền con người là những hoạt động tạo ra các điều kiện, tiền đề cần thiết làm cho quyền con người của các chủ thể được chắc chắn thực hiện đầy đủ*. Điều kiện, tiền đề ở đây có thể hiểu bao gồm các yếu tố, cơ chế và trách nhiệm của chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm trong việc làm cho quyền và lợi ích của chủ thể được bảo đảm chắc chắn thực hiện được.

Với chủ thể bảo đảm quyền con người là bị cáo thì khái niệm bị cáo được BLTTHS năm 2015 định nghĩa là người hoặc pháp nhân bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Như vậy, tư cách bị cáo được xác định khi có quyết định của Tòa án đưa người bị cáo buộc phạm tội ra xét xử về một

¹ Hoàng Phê (1994), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr. 36.

tội được BLHS quy định. Từ những phân tích nêu trên về bảo đảm quyền con người khi gắn với chủ thể là bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nghiên cứu sinh cho rằng: *“Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là tổng hợp một cách hệ thống các tiền đề cần thiết nhằm ghi nhận, thực hiện và giám sát thực hiện quyền con người của người đã bị Tòa án cấp xét xử thứ nhất quyết định đưa ra xét xử nhằm làm cho các quyền này chắc chắn được tuân thủ và thực thi chính xác, đầy đủ, hiệu quả”*.

Nội hàm của bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bao gồm những đặc điểm sau:

Về phạm vi: Phạm vi của quyền con người được xác định từ khi sinh ra đến khi mất đi bởi vì quyền con người là quyền tự nhiên vốn có của nó chứ không phải quyền được một cá nhân hay một quốc gia nào ban cho. Còn khi xem xét thời điểm xuất hiện quyền con người của bị cáo trong xét xử thì cần xét trong thời điểm xuất hiện tư cách tố tụng là bị cáo hay nói cách khác khi xuất hiện tư cách tố tụng là bị cáo thì khi đó phát sinh quyền con người của bị cáo và phát sinh bảo đảm quyền con người của bị cáo. Tuy nhiên, khi đặt trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì luận án xác định thời điểm cần bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm bắt đầu từ khi Chủ tọa phiên tòa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bản án hoặc ra quyết định đình chỉ vụ án.

Về nội dung: Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trước hết là bảo đảm các quyền con người của bị cáo được ghi nhận trong các công ước quốc tế và pháp luật quốc gia nhằm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

như quyền được xét xử công bằng, quyền được xét xử nhanh chóng, quyền được xét xử bởi một Tòa án độc lập và khách quan, quyền bình đẳng trước Tòa án, quyền được bào chữa, quyền được suy đoán vô tội....

Về hình thức biểu hiện: Các quyền con người của bị cáo phải được biểu hiện và ghi nhận trong các văn bản chung của quốc tế, tiếp đó là ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật TTHS của từng quốc gia.

Về chủ thể: chủ thể của bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được phân chia thành chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền và chủ thể được bảo đảm quyền. Ở góc độ chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền con người nói chung trước hết thuộc về nhà nước, cụ thể chủ thể đó là Viện kiểm sát và Tòa án. Trong khi đó chủ thể là người bào chữa thực hiện quyền bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đối với các cáo buộc tội từ phía cơ quan công tố. Như vậy, có thể thấy chủ thể bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bao gồm Tòa án, Viện Kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo. Ở góc độ chủ thể được bảo đảm quyền con người trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đó chính là bị cáo.

Về đối tượng được bảo đảm: là quyền con người của bị cáo. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một phạm trù trong TTHS nên quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng là quyền thuộc nhóm dân sự - chính trị của cá nhân khi họ tham gia vào quá trình xét xử.

1.2. Phương thức bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại Việt Nam

Trong lĩnh vực xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì bảo đảm quyền con người của bị cáo được thực hiện bằng nhiều phương thức khác nhau, có thể kể một vài phương thức như bảo đảm bằng tư tưởng, bảo đảm bằng

pháp lý; bảo đảm về tổ chức, bảo đảm về các điều kiện vật chất, kỹ thuật. Trong đó, phương thức hữu hiệu nhất là phương thức bảo đảm bằng pháp lý được thể hiện thông qua việc ghi nhận, công nhận bằng pháp luật các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động xét xử.

1.2.1. Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thông qua các quan điểm, chính sách của Đảng

Để từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm hướng đến việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tối đa các quyền con người, quyền công dân, trong những năm qua Đảng ta không ngừng đưa ra các chính sách và nghị quyết, trong đó phải kể đến Nghị quyết số 48-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW. Đây có thể coi là những phương hướng và mục tiêu để hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đặc biệt trong hoạt động TTHS và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

1.2.2. Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bằng các quy định pháp luật

Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bằng các quy định pháp luật TTHS được thể hiện thông qua các khía cạnh sau:

Ghi nhận bằng các quy định pháp luật về các quyền con người của bị cáo trong quá trình xét xử.

Ghi nhận bằng các quy định pháp luật về nguyên tắc chung của TTHS nhằm bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử.

Ghi nhận bằng các quy định pháp luật về trách nhiệm (nhiệm vụ, quyền hạn) của các chủ thể tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khi tham gia vào hoạt động xét xử.

Ghi nhận bằng các quy định pháp luật về thủ tục, trình tự tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm; các quy định về chứng cứ và quá trình đánh giá chứng cứ, chứng minh; các quy định về khiếu nại, tố cáo....

1.2.3. Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thông qua việc thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể

Nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Pháp luật TTHS quy định các chủ thể tiến hành tố tụng phải thực hiện các nghĩa vụ sau: Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế (nếu cần thiết); giải quyết các yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng trước khi mở phiên tòa; giao, gửi các quyết định của Tòa án cho bị cáo hoặc người đại diện của họ và người bào chữa; triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa.

Nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm phổ biến quyền và nghĩa vụ của những người có mặt tại phiên tòa; kiểm tra việc bị cáo được nhận và thời gian nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và cáo trạng truy tố; hỏi những người có mặt tại phiên tòa về việc đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng và những người có trách nhiệm liên quan khác, hỏi về việc yêu cầu triệu tập người làm chứng hoặc cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu và yêu cầu hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt (nếu có)....

Nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng ở giai đoạn tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người, phải xem xét vật chứng có liên quan trong vụ án. Chủ tọa phiên tòa phải có trách nhiệm tạo điều kiện tối đa cho hoạt động tranh luận, không được dùng ý chí chủ quan để hạn chế việc tranh luận. Ngoài việc quy định Chủ tọa có trách nhiệm bảo đảm cho hoạt động tranh luận thì BLTTHS còn yêu cầu HĐXX phải lắng nghe để ghi nhận đầy đủ ý kiến tranh luận và phải xem xét, đánh giá một cách khách quan, công bằng và toàn diện sự thật của vụ án....

Nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng ở giai đoạn nghị án và tuyên án. Tại phòng nghị án, Chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm xác định và đưa từng vấn đề của vụ án ra để HĐXX thảo luận, HĐXX có trách nhiệm xem xét, đánh giá và phân tích từng vấn đề mà Chủ tọa phiên tòa đưa ra để quyết định bằng cách biểu quyết theo nguyên tắc đa số, khách quan, độc lập....Khi tuyên án, Chủ tọa phiên tòa phải tuyên công khai, công bố toàn bộ bản án (trừ trường hợp xét xử kín thì chỉ đọc phần quyết định trong bản án).

1.2.4. Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thông qua giám sát việc thực hiện của các chủ thể

Thứ nhất, giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước.

Thứ hai, giám sát của cơ quan chuyên trách.

Thứ ba, giám sát của các tổ chức xã hội.

Thứ tư, giám sát của Nhân dân.

Thứ năm, giám sát trong nội bộ Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

1.3. Nội dung, cơ chế và các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.1. Nội dung bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, xác định các quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải được bảo đảm

Quyền con người là một tổng thể bao gồm rất nhiều quyền trong tất cả các lĩnh vực từ dân sự - chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, tuy nhiên trong phạm vi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì các quyền con người của bị cáo được quy định trong các chuẩn mực pháp lý quốc tế bao gồm các quyền sau:

- Quyền bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán, được xét xử bởi Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị

Nội dung của quyền bình đẳng trước Tòa án được thể hiện gồm hai nội dung cơ bản sau:

Một là, quyền bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tư pháp là biểu hiện của nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Hai là, quyền được xét xử bởi Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị.

- Quyền được suy đoán vô tội

Quyền được suy đoán vô tội được ghi nhận trong pháp luật quốc tế tại khoản 2 Điều 14 ICCPR và được khẳng định rõ hơn tại đoạn 30 Bình luận chung số 32 của Hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc. Nội dung của quyền suy đoán vô tội trong các quy định của Luật quốc tế bao gồm các khía cạnh sau:

Một là, giả định vô tội.

Hai là, trách nhiệm chứng minh tội phạm.

Ba là, mọi hoài nghi về lỗi của bị cáo cần được giải thích theo hướng có lợi cho bị cáo.

- Quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội

Quyền này được luật pháp quốc tế ghi nhận tại điểm g khoản 3 Điều 14 ICCPR, theo đó quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội của bị cáo được hiểu là họ không buộc phải khai báo hoặc trả lời các tình tiết hoặc câu hỏi nhằm gây bất lợi cho họ khi bị thẩm vấn hoặc đặt câu hỏi bởi bất cứ cơ quan hay chủ thể nào.

- Quyền bào chữa

Việc quy định quyền bào chữa được thể hiện hầu hết trong các văn bản pháp lý của quốc tế như UDHR (khoản 1 Điều 11); ICCPR (khoản 3 Điều 14); Quy chế Rome (khoản 2c Điều 55, khoản 1d Điều 67) và Các nguyên tắc cơ bản về vai trò của Luật sư (Basic Principles on the Role of Lawyer, 1990). Nội dung của quyền bào chữa được thể hiện thông qua các quyền liên quan như: quyền bảo đảm về thời gian và điều kiện để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do mình lựa chọn, quyền được tự bào chữa hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý theo sự lựa chọn của mình, quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí trong trường hợp công lý đòi hỏi, quyền được có mặt trong khi xét xử, quyền được thẩm vấn hoặc yêu cầu thẩm vấn những nhân chứng buộc tội mình và được mời người làm chứng gỡ tội cho mình tới phiên toà và thẩm vấn họ tại toà.....

- Quyền được xét xử theo thủ tục đặc biệt đối với người bị cáo buộc phạm tội là người chưa thành niên

Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1989) tại điểm b khoản 2 Điều 40 đã quy định các quyền đặc biệt của trẻ em khi bị tình nghi hay

bị cáo buộc phạm tội. Có thể thấy đối với chủ thể bị cáo là người chưa thành niên thì pháp luật có những “ưu ái” đặc biệt hơn khi pháp luật không chỉ ghi nhận tất cả các quyền như bị cáo thông thường mà còn có thêm những quy định đặc biệt khác như quyền được xét xử theo thủ tục đặc biệt, quyền được chỉ định bào chữa miễn phí, quyền được giữ bí mật cá nhân, quyền được có người đại diện.....

- Quyền được dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, quyền được phiên dịch miễn phí

Pháp luật quốc tế mà đặc biệt là Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị đã khẳng định quyền được trợ giúp phiên dịch miễn phí của người bị buộc tội nếu họ không hiểu và không nói được ngôn ngữ đang sử dụng trong phiên tòa tại khoản 3 Điều 14 ICCPR. Điều này có nghĩa là người bị buộc tội được sử dụng ngôn ngữ của dân tộc họ, nếu họ không hiểu ngôn ngữ sử dụng trong phiên tòa thì các Cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm chỉ định người phiên dịch miễn phí cho họ.

Thứ hai, xây dựng các quy định về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Việc xây dựng các quy định pháp luật, đặc biệt là pháp luật TTHS cần phải ghi nhận đầy đủ các quy định về: nguyên tắc tố tụng (trong đó có nguyên tắc về hoạt động xét xử sơ thẩm), các quyền của bị cáo; thủ tục, trình tự tiến hành tố tụng; quyền và trách nhiệm của người và cơ quan tiến hành tố tụng; cơ chế kiểm tra, giám sát..... Ngoài các quy định của luật TTHS thì việc xây dựng các quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng; các hình thức, biện pháp xử lý vi phạm... trong các văn bản pháp lý liên quan khác cũng là yêu cầu để quá trình thực hiện được đồng bộ và toàn diện.

Thứ ba, thực thi các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thực thi pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự được thực thi trên thực tế, nếu không tổ chức thực thi tốt các quyền con người được ghi nhận trong các văn bản pháp luật sẽ trở nên không có ý nghĩa. Việc thực thi pháp luật thực chất là việc Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng sử dụng các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho mình để thực hiện nó trên thực tế. Còn hoạt động thực thi pháp luật của người tham gia tố tụng chỉ là việc họ, người đại diện cho họ hay người bào chữa cho họ căn cứ vào các quy định của pháp luật để thực hiện các hành vi của mình.

Thứ tư, giám sát việc thực thi quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giám sát việc thực thi quyền con người cũng là một trong các phương thức để bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, hiện nay hoạt động giám sát được thực hiện qua 05 hình thức chính: (a) giám sát thông qua cơ quan quyền lực nhà nước; (b) giám sát của cơ quan chuyên trách; (c) giám sát của các tổ chức xã hội; (d) giám sát của công dân; (e) giám sát trong nội bộ cơ quan². Trong lĩnh vực TTTHS, cụ thể hơn là trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, hoạt động giám sát được quy định tại Điều 33 BLTTTHS năm 2015.

²Trần Thu Hiền (2022), *Bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra hình sự*, luận án tiến sĩ luật, trường Đại học Luật Hà Nội, tr.59

1.3.2. Cơ chế bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.2.1. Cơ chế quốc tế

1.3.2.2. Cơ chế khu vực

1.3.2.3. Cơ chế quốc gia

1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.3.1. Yếu tố về chính sách, đường lối của Đảng

1.3.3.2. Yếu tố về pháp luật

1.3.3.3. Yếu tố về mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền xét xử trong vụ án hình sự

1.3.3.4. Yếu tố về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân

1.3.3.5. Yếu tố về con người

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1. Quy định về nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1.1. Các nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người

Một là, nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8 BLTTHS năm 2015). Nội dung nguyên tắc này thể hiện trên các phương diện sau:

Thứ nhất, nguyên tắc này đã xác định đối tượng được tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm trong TTHS đó là quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các cá nhân khi tham gia vào hoạt động TTHS, trong đó có bị cáo.

Thứ hai, trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân thuộc về cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Hai là, nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9 BLTTHS năm 2015). Nội hàm của nguyên tắc này được thể hiện qua các nội dung sau:

Thứ nhất, TTHS phải được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, có nghĩa là mọi người ở cùng một tư cách tố tụng và địa vị pháp lý như nhau khi tham gia tố tụng được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của họ.

Thứ hai, mọi dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội khi tham gia vào hoạt động TTHS đều không có sự phân biệt.

Thứ ba, bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật.

2.1.1.2. Các nguyên tắc xét xử kịp thời, công bằng, công khai và đảm bảo sự không tách rời giữa quyền con người, quyền công dân với nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội, nghĩa vụ công dân

Một là, nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai (Điều 25 BLTTHS năm 2015). Nguyên tắc này gồm các nội dung sau:

Thứ nhất, Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định.

Thứ hai, Tòa án xét xử công bằng.

Thứ ba, Tòa án xét xử công khai.

Hai là, nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13 BLTTHS năm 2015). Nội dung của quy tắc này được thể hiện trên một số phương diện sau:

Thứ nhất, nguyên tắc suy đoán vô tội chỉ được áp dụng đối với người bị buộc tội và thực hiện trong phạm vi của Luật Hình sự và TTHS.

Thứ hai, việc buộc tội phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định, nếu việc buộc tội không theo theo trình tự, thủ tục của pháp luật thì việc buộc tội không có giá trị.

Thứ ba, một hành vi được xem là tội phạm khi và chỉ khi nó được ghi nhận rõ trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Thứ tư, trong trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp mà vẫn chưa xác định được rõ ràng chứng cứ, tình tiết buộc tội thì phải hiểu theo hướng có lợi cho người bị buộc tội.

Ba là, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (Điều 15 BLTTHS năm 2015). Nội dung của nguyên tắc này thể hiện trên các bình diện sau:

Thứ nhất, đối tượng chứng minh trong quá trình tố tụng là sự thật vụ án.

Thứ hai, việc chứng minh tội phạm của người bị buộc tội là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bốn là, nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 17 BLTTHS năm 2015)

Nội dung của trách nhiệm được BLTTHS năm 2015 quy định khá đầy đủ từ Điều 36 đến Điều 48 theo hướng tăng quyền, tăng trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán. Đồng thời, nguyên tắc này còn là một đòi hỏi khi thực hiện các hành vi hay quyết định tố tụng, các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải cân nhắc tính cần thiết, hợp lý, hợp pháp của hành vi hoặc quyết định của họ.

Năm là, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng (Điều 21 BLTTHS năm 2015)

BLTTHS năm 2015 đã có quy định rõ ràng những trường hợp có thể dẫn đến sự không vô tư khi tham gia vào hoạt động tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại các Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53 và Điều 67 (khoản 2), Điều 68 (khoản 5), Điều 69 (khoản 5), Điều 70 (khoản 5) để buộc họ không được tham gia tố tụng nhằm bảo đảm sự vô tư khi thực hiện hoạt động tố tụng.

Sáu là, nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 23 BLTTHS năm 2015). Nội dung của nguyên tắc này được thể hiện như sau:

Thứ nhất, sự độc lập bên trong của HĐXX.

Thứ hai, Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với cơ chế quản lý hành chính trong nội bộ cơ quan Tòa án.

Thứ ba, Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và các chủ thể khác.

Thứ tư, Thẩm phán, Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử.

Bảy là, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26 BLTTHS năm 2015). Nguyên tắc này bao gồm các nội hàm sau:

Thứ nhất, tất cả các chủ thể tham gia vào hoạt động tố tụng ở các giai đoạn tố tụng đều có quyền bình đẳng như nhau mà không có sự phân biệt nào khác.

Thứ hai, tạo ra các điều kiện nhằm bảo đảm cho hoạt động tranh tụng được khách quan, bình đẳng.

Thứ ba, các chứng cứ, tình tiết liên quan và các điều khoản áp dụng để giải quyết các vấn đề của vụ án phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Thứ tư, kết quả của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa phải là căn cứ để ra bản án và quyết định.

2.1.2. Quy định về quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.2.1. Các nhóm quyền bào chữa

Một là, quyền được nhận các quyết định tố tụng (điểm a khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Quy định quyền được nhận các quyết định tố tụng của bị cáo vừa giúp họ nắm được tiến trình tố tụng, vừa giúp họ có điều kiện để thực hiện quyền bào chữa. Ngoài việc ghi nhận quyền được nhận các quyết định tố tụng, BLTTHS còn quy định thời gian giao nhận hoặc các điều kiện, lý do áp dụng các quyết định này. Nếu không được bảo đảm các quyền này, bị cáo còn có thêm quyền được yêu cầu hoãn phiên tòa.

Hai là, quyền được tham gia phiên tòa (điểm b khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Tham gia phiên tòa không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của bị cáo, tức là bị cáo phải tham gia phiên tòa trừ những trường hợp đặc biệt do luật định. Việc bị cáo có quyền tham dự phiên tòa là cơ sở cho bị cáo thực hiện quyền tự bào chữa, quyền được tranh luận và các quyền khác đã được pháp luật ghi nhận.

Ba là, quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa (điểm g khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Quyền bào chữa được thực hiện xuyên suốt trong quá trình tiến hành tố tụng từ khi một người trở thành đối tượng bị buộc tội nhưng nó được thể hiện rõ nhất tại phiên tòa. Bị cáo có quyền tự thực hiện bào chữa cho mình hoặc nhờ người khác bào chữa hoặc có thể thực hiện cả hai.

Bốn là, quyền được trình bày lời khai, ý kiến và không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội (điểm h khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Cũng giống như quyền trình bày ý kiến, thì quyền trình bày lời khai của bị cáo cũng có thể giúp làm sáng tỏ sự thật của vụ án và cũng có tác

dụng giúp bị cáo thực hiện quyền bào chữa cho họ. Việc cho phép bị cáo được quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến còn thể hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các bên tham gia tố tụng trong hoạt động xét xử góp phần đảm bảo giải quyết đúng đắn, khách quan và toàn diện vụ án.

Năm là, quyền được hỏi hoặc đề nghị hỏi thông qua chủ tọa phiên tòa; quyền được tranh luận bình đẳng tại phiên tòa (điểm i khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Pháp luật TTHS trao cho bị cáo quyền được tự hỏi hoặc đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý đã làm tăng tính chủ động cho bị cáo và giúp họ thực hiện quyền bào chữa của mình được tốt hơn, đồng thời bảo đảm hơn nguyên tắc tranh tụng cũng như nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Ngoài quyền được hỏi như đã trình bày thì BLTTHS còn trao cho bị cáo quyền được tranh luận, được đưa ra ý kiến, lập luận và quan điểm của mình để phản biện lại với những ý kiến mà mình không đồng ý hoặc gây bất lợi cho mình từ các chủ thể khác tại phiên tòa.

Sáu là, quyền được nói lời sau cùng trước khi nghị án (điểm k khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Quyền này tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội được trình bày thái độ và nguyện vọng của mình trước HĐXX và cũng giúp họ có thể đề nghị với HĐXX lưu ý đến những tình tiết, những chứng cứ có lợi cho họ khi nghị án để có thể ra một bản án có căn cứ và hợp pháp. Có thể nói quyền được nói lời sau cùng cũng là hình thức bào chữa nhằm nhấn mạnh lại lần nữa lời bào chữa của bị cáo và tổng quan đánh giá vụ việc trên quan điểm cá nhân nhằm đưa ra những tình tiết có lợi cho bản thân.

2.1.2.2. Các quyền bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán

Một là, quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định (điểm c khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Hai là, quyền được đưa ra các đề nghị của mình (điểm d khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Ba là, quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu (điểm đ khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Bốn là, quyền được trình bày ý kiến và quyền yêu kiểm tra, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan (điểm e khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015)

Năm là, quyền được xét xử theo thủ tục đặc biệt đối với người bị cáo buộc phạm tội là người chưa thành niên (Chương XXVIII BLTTHS năm 2015)

Sáu là, quyền được dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình, quyền được phiên dịch miễn phí (Điều 29 BLTTHS năm 2015)

2.1.3. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án và người có thẩm quyền trong việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Một là, đối với quyền nhận các quyết định tố tụng. Trách nhiệm giao các quyết định này thuộc về Tòa án. Ngoài trách nhiệm giao các quyết định tố tụng cho bị cáo hoặc người đại diện của họ và gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự thì người thực hiện việc cấp, giao, chuyển quyết định tố tụng phải lập biên bản và phải có chữ ký của người nhận quyết định. Bên cạnh đó, Tòa án phải có trách nhiệm giao, gửi quyết định đúng thời hạn quy định.

Hai là, đối với quyền được tham gia phiên tòa. Trách nhiệm của Tòa án là phải kiểm tra sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa và chỉ có thể xét

xử vắng mặt bị cáo trong những trường hợp cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 290 BLTTHS năm 2015, còn những trường hợp khác thì Tòa án phải hoãn phiên tòa.

Ba là, đối với quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Pháp luật TTHS quy định quyền được thông báo, giải thích của bị cáo cũng đồng nghĩa với việc đưa trách nhiệm phải bảo đảm việc thực hiện các quyền này cho người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Cụ thể, BLTTHS năm 2015 đã quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tại khoản 2 Điều 279, khoản 3 Điều 301, khoản 3 Điều 298, khoản 5 Điều 326...

Bốn là, đối với quyền được đưa ra các đề nghị của mình. Những quyền được đưa ra các đề nghị của bị cáo đối với các cơ quan tiến hành tố tụng được pháp luật ghi nhận cũng đồng nghĩa với việc ghi nhận trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực hiện các quyền này.

Năm là, đối với quyền được đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và trình bày ý kiến hoặc yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiến hành kiểm tra, đánh giá những chứng cứ, tài liệu, đồ vật được đưa ra xem xét tại phiên tòa.

Trách nhiệm của Tòa án là phải xem xét, giải quyết các yêu cầu trên. Đối với trường hợp là chứng cứ, tài liệu, đồ vật do bị cáo cung cấp thì khi tiếp nhận cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lập biên bản giao nhận theo quy định của BLTTHS (khoản 4 Điều 88 BLTTHS năm 2015) và phải kiểm tra, xác minh và đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, đồ vật đó để xem có phải là chứng cứ trong vụ án

hay không và giá trị của nó trong việc xác định sự thật của vụ án (khoản 2 Điều 108 BLTTHS năm 2015).

Sáu là, đối với quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa. Để bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo thì BLTTHS đã có những quy định yêu cầu những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm tôn trọng và tạo điều kiện để bị cáo, người đại diện của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo thực hiện quyền bào chữa, cụ thể đó là việc quy định tại khoản 1 Điều 76, Điều 79...

Bảy là, đối với quyền được nói lời sau cùng trước khi nghị án. Trách nhiệm của HĐXX trong việc tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện quyền được nói lời sau cùng được quy định trong Điều 324 BLTTHS năm 2015.

2.1.4. Quy định về trình tự, thủ tục xét xử nhằm bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Một là, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa

Bắt đầu phiên tòa là việc những người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập, kiểm tra lý lịch và phổ biến nội quy phiên tòa và quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng. Tiếp theo HĐXX phải tiến hành giải quyết yêu cầu, đề nghị của những người tham gia tố tụng về việc thay đổi những người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 302 BLTTHS năm 2015. Trước khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa còn phải giải quyết yêu cầu của những người tham gia tố tụng về việc xem xét chứng cứ, triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu hoãn phiên tòa.

Hai là, phần thủ tục tranh tụng phiên tòa

Thủ tục tranh tụng được quy định trong BLTTHS năm 2015 bao gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, bắt đầu thủ tục tranh tụng là việc Kiểm sát viên được phân công thực hiện quyền công tố công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung nhưng không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Thứ hai, trong quá trình xét hỏi Chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Ngoài ra, để bảo đảm quyền được hỏi và quyền được xét xử công bằng, pháp luật TTHS hiện hành còn mở rộng thêm các yếu tố bảo đảm tại Điều 308 BLTTHS năm 2015, khoản 2 Điều 309 BLTTHS năm 2015 và Điều 315 BLTTHS năm 2015....

Ba là, phần nghị án và tuyên án

Việc nghị án phải được tiến hành tại phòng nghị án riêng, không ai có quyền vào trong phòng nghị án ngoài thành viên HĐXX để tránh sự tác động đến họ, việc nghị án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án và các ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Đối với việc tuyên án, pháp luật TTHS quy định phải tuyên án công khai và toàn bộ nội dung bản án, chỉ trừ một số trường hợp đặc biệt khác theo quy định.

2.1.5. Quy định về giám sát việc thực thi quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giám sát việc thực thi quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thực hiện thông qua nhiều hình thức nhưng tựu chung lại ở hai hình thức giám sát đó là: giám sát của cơ quan nhà nước và giám sát của các tổ chức xã hội.

2.2. Thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.1. Những kết quả đạt được

Quyền của bị cáo tại phiên tòa được mở rộng và bảo đảm thực hiện hơn và việc bảo đảm thực hiện các quyền này giúp bị cáo thực hiện tốt hơn quyền bào chữa của họ tại phiên tòa; bên cạnh đó hoạt động tranh tụng tại phiên tòa cũng ngày càng thực chất và chất lượng hơn. Kết quả này đã đưa lại bản án sơ thẩm của Tòa án ngày càng khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền con người của bị cáo.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc

2.2.2.1. Hạn chế trong việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong một số phiên tòa, ở phần xét hỏi, nhiều HĐXX mà nhất là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa vẫn điều hành phiên tòa theo cách thức thẩm vấn, xét hỏi vẫn thiên về buộc tội, áp đặt quan điểm dựa trên cơ sở là hồ sơ điều tra. Trong quá trình tranh luận với bên bị buộc tội, nhiều HĐXX lại là chủ thể chính làm thay Viện Kiểm sát để thực hiện việc tranh luận. Trong một số phiên tòa sơ thẩm hình sự việc bảo đảm nguyên tắc tranh tụng vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, việc lắng nghe và ghi nhận ý kiến của Luật sư chưa được toàn hoàn coi trọng.

2.2.2.2. Hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án và người có thẩm quyền trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, hạn chế, vướng mắc trong việc trả hồ sơ bổ sung của Tòa án. Nhiều trường hợp do số lượng vụ án cần xét xử nhiều, Tòa án chưa có đủ thời gian nghiên cứu kỹ vụ án nên có tình trạng “lạm dụng” quy định

trả hồ sơ để bảo đảm thời hạn tố tụng. Có trường hợp, Tòa án không trả lại hồ sơ cho Viện Kiểm sát để yêu cầu bổ sung các chứng cứ (trong đó có chứng cứ gỡ tội cho bị cáo) khi phát hiện hồ sơ không đầy đủ, thiếu chứng cứ hoặc thiếu các điều kiện để khởi tố, xét xử nhưng Tòa vẫn ra quyết định xét xử nên sau khi tuyên án thì gặp kháng cáo, kháng nghị và bị cấp phúc thẩm ra quyết định hủy án.

Thứ hai, chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên vẫn còn có những hạn chế, đặc biệt là trong xét hỏi và tranh luận, đôi khi vai trò của Kiểm sát viên trong việc đưa ra các quan điểm bảo vệ cho sự buộc tội rất mờ nhạt mà những nhiệm vụ này lại do HĐXX thực hiện.

Thứ ba, chất lượng bào chữa tại một số phiên tòa còn chưa cao, phần lớn nguyên nhân xuất phát từ ý thức, trách nhiệm của người bào chữa, đặc biệt là những trường hợp bào chữa chỉ định dẫn đến việc bào chữa chưa sâu, chưa trúng, nội dung bào chữa còn dài dòng, tản mạn, hời hợt và mang tính chung chung, không đi sâu vào việc phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án có lợi cho bị cáo một cách cụ thể.

Thứ tư, các Hội thẩm nhân dân cũng chưa thể hiện trách nhiệm của mình khi được phân công tham gia xét xử.

2.2.2.3. Hạn chế trong việc thực hiện các quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, thực tiễn thực hiện quyền bào chữa. Việc thực hiện quyền bào chữa của bị cáo trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn có những vi phạm, nhất là quyền được nhờ người khác bào chữa.

Thứ hai, thực tiễn thực hiện quyền bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán, được xét xử bởi Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị

Qua tiến hành khảo sát đối tượng là Thẩm phán, kết quả còn có 35,6% ý kiến cho rằng vẫn có sự thiên vị nhất định, đặc biệt là trong những vụ án trọng điểm, được dư luận quan tâm và sự không vô tư, thiện cảm của HĐXX còn có khác nhau giữa những bị cáo có nhân thân tốt và bị cáo có nhân thân xấu cũng như giữa bên buộc tội và bên bào chữa và có 48,8% ý kiến cho rằng không có sự độc lập trong xét xử.

Thứ ba, thực tiễn thực hiện quyền được suy đoán vô tội

Thực tiễn tại một số phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự, HĐXX đôi khi còn quá coi nhẹ nguyên tắc suy đoán vô tội mà mang nặng lối tư duy “suy đoán có tội” dẫn đến việc đặt những câu hỏi có tính khẳng định bị cáo có tội. Cũng có trường hợp HĐXX đã quá phụ thuộc vào hồ sơ vụ án để kết tội bị cáo ngay từ đầu, mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không nhận tội.

Thứ tư, thực tiễn thực hiện quyền được xét xử theo thủ tục đặc biệt đối với người bị cáo buộc phạm tội là người chưa thành niên

Hiện nay, một số Tòa gia đình và người chưa thành niên có cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa xây dựng được phòng xét xử thân thiện nên hầu như các vụ án có người chưa thành niên tham gia vẫn được xét xử tại phòng xử án thông thường. Một số tòa tuy đã có phòng xử án thân thiện nhưng bố trí chưa bảo đảm sự thân thiện theo đúng các hướng dẫn. Chưa có đội ngũ Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, Bào chữa viên nhân dân được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên..... Bên cạnh đó, việc thành lập Tòa án dành cho người chưa thành niên và Thẩm phán chuyên trách thực hiện xét xử mới chỉ được thực hiện tại cơ quan Tòa án mà chưa có sự đồng bộ từ cơ quan Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra.

Thứ năm, thực tiễn thực hiện quyền được xét xử kịp thời và công khai

Vẫn còn nhiều năm tỉ lệ án tồn đọng chưa giải quyết còn khá cao. Bên cạnh đó, tỉ lệ Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung vẫn còn lớn, ít nhất trên 1.000 vụ/năm. Quyền được xét xử công khai nhưng trong thực tế vẫn có hạn chế số người và đối tượng được tham dự trực tiếp với lý do an ninh hoặc do giới hạn của phòng xét xử bị hạn chế chỗ ngồi nên không phải ai cũng có quyền tham dự trực tiếp, nhất là ở các vụ án lớn, các vụ án có nhiều bị cáo và một số vụ án được dư luận đặc biệt quan tâm.

Thứ sáu, thực trạng quy định về quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình, quyền được phiên dịch miễn phí

Hiện nay chưa có cách thức hay quy định cụ thể nào để xác định khả năng sử dụng ngôn ngữ của bị cáo và những người tham dự phiên tòa, do đó trong thực tiễn việc hỗ trợ phiên dịch miễn phí cho họ tại phiên tòa chưa được thực hiện thống nhất. Đồng thời, pháp luật TTHS chưa có quy định lần chế tài để bảo đảm người phiên dịch phải dịch thuật đầy đủ tất cả nội dung được trao đổi tại phiên tòa.

2.2.2.4. Hạn chế trong việc giám sát thực thi quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Các cơ chế kiểm tra, giám sát của nước ta tạo thành nhiều tầng, nhiều lớp nhưng chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

2.2.2.5. Hạn chế khác trong việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Hiện nay, các yếu tố về nhân lực, tổ chức của các cơ quan tư pháp vẫn còn một số hạn chế chưa được khắc phục như sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm trong xét xử chưa được bảo đảm, sự chi phối của các cơ quan trong hệ thống chính trị với cơ quan Tòa án vẫn còn tồn tại, một số ít Thẩm phán, Kiểm sát viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, cơ

cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án các cấp chưa thật sự bảo đảm cho đội ngũ Thẩm phán được “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Thứ nhất, nguyên nhân của những hạn chế khi thực hiện quyền bào chữa được tác giả tiếp cận trên nhiều phương diện khác nhau, đó là các nguyên nhân từ phía các quy định của pháp luật, nguyên nhân từ trách nhiệm của người bào chữa và những người tiến hành tố tụng.

Thứ hai, nguyên nhân của những hạn chế khi thực hiện quyền bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán, quyền được xét xử bởi Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị. Nguyên nhân của vấn đề này xuất phát từ các quy định nội bộ trong ngành Tòa án và cơ cấu tổ chức hệ thống Tòa án hiện nay ở nước ta. Trước hết, đó là tình trạng báo cáo án trước và sau khi xét xử vẫn còn tồn tại ở một số Tòa án. Ngoài ra, các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm sự độc lập, vô tư của Tòa án còn đến từ dư luận xã hội, các cơ quan thông tin truyền thông và các cơ quan khác trong hệ thống chính trị cũng như thiếu cơ chế để bảo vệ Thẩm phán cũng như cơ chế lựa chọn bổ nhiệm Thẩm phán còn nhiều bất cập.

Thứ ba, nguyên nhân của những hạn chế khi thực hiện quyền được suy đoán vô tội. Theo tác giả nguyên nhân chủ yếu đến từ các cơ quan, người tiến hành tố tụng và từ các quy định của pháp luật.

Thứ tư, nguyên nhân của những hạn chế khi thực hiện quyền được xét xử theo thủ tục đặc biệt đối với người bị cáo buộc phạm tội là người chưa thành niên. Thực tế hiện nay do điều kiện vật chất ở một số địa phương khác nhau nhất là ở các vùng sâu, vùng xa thuộc cấp huyện chưa có điều kiện để thành lập ra các Tòa chuyên trách cũng như thiếu đội ngũ nhân lực chuyên trách để thực hiện hoạt động này.

Thứ năm, nguyên nhân của những hạn chế khi thực hiện quyền được xét xử kịp thời và công khai. Số lượng án xét xử ngày càng nhiều, trong đó một số vụ án có lượng hồ sơ lớn, tình tiết phức tạp... dẫn đến việc tồn đọng và chậm trễ trong việc thụ lý vụ án. Cũng từ nguyên nhân số lượng vụ án lớn, phức tạp nên công tác xem xét, đánh giá hồ sơ của từng vụ án chưa được kỹ càng, chi tiết và còn một số thiếu sót dẫn đến việc phải trả hồ sơ nhiều lần.

Thứ sáu, nguyên nhân của những hạn chế khi thực hiện quyền được sử dụng tiếng nói, chữ viết, quyền được phiên dịch miễn phí. Nguyên nhân chính đến từ các quy định pháp luật, cụ thể là pháp luật TTHS hiện hành khi chưa quy định đầy đủ các trường hợp có thể làm hạn chế quyền được sử dụng tiếng nói chữ viết, quyền được phiên dịch.

Thứ bảy, nguyên nhân của những hạn chế trong việc giám sát việc thực thi quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Một số đơn vị Tòa án, cấp ủy, lãnh đạo Tòa án chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời công tác thanh tra tại cơ quan, đơn vị; chưa coi thanh tra là chức năng quản lý, là phương thức quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành; nhất là biện pháp tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ.

Thứ tám, nguyên nhân của những hạn chế khác. Các hình thức khen thưởng, kỷ luật, chuyển, miễn nhiệm Thẩm phán còn nhiều bất cập; sự nhận thức và ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, công chức ngành Tòa án chưa cao.

CHƯƠNG 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM

3.1. Yêu cầu đối với giải pháp tăng cường bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.1.1. Phù hợp với chính sách của Đảng về chiến lược phát triển con người và mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bảo đảm quyền con người

3.1.2. Phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người

3.1.3. Phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi và rõ ràng, thống nhất

3.1.4. Phù hợp với nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện tổ chức hoạt động của Tòa án

3.2. Giải pháp tăng cường bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện luật tố tụng hình sự Việt Nam

3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định về quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định về quyền bào chữa của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Một là, cần bổ sung thêm quyền được tiếp cận hồ sơ vụ án trong các quyền của bị cáo. Tác giả đề nghị nên bổ sung điểm 1 khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 để mở rộng thêm quyền được yêu cầu sao chụp biên bản, tài liệu, số hóa phục vụ cho việc đánh giá các tài liệu, chứng cứ được chi tiết hơn. Mặt khác, cần có thêm những nghiên cứu để cho phép người

bào chữa được tiếp cận hồ sơ vụ án sớm hơn, ngay ở giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia nếu có căn cứ cho rằng việc tiếp cận này không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra và không có nguy cơ tác động vào các bằng chứng cần được thu thập hoặc bản chất vụ việc.

Hai là, cần mở rộng chủ thể có thể tham gia bào chữa để thu hút được một số lượng lớn những người có trình độ chuyên môn làm người bào chữa tham gia trong TTTHS.

Ba là, cần hoàn thiện các quy định về người bào chữa chỉ định tại phiên tòa. Tác giả cho rằng nếu quy định phải đồng thời cả bị cáo và người bào chữa đều đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa chỉ định sẽ bảo đảm hơn quyền bào chữa của bị cáo trong trường hợp bị cáo bị ép buộc, thuyết phục hoặc bị cáo là người dưới 18 tuổi nhận thức còn hạn chế. Từ những phân tích trên, tác giả mạnh dạn đề xuất sửa đổi Điều 291 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 291. Sự có mặt của người bào chữa

1. Giữ nguyên

2. Trường hợp chỉ định người bào chữa.... mà người bào chữa vắng mặt thì HĐXX phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo và người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định về quyền bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán, được xét xử bởi Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị

Tác giả đề nghị Điều 290 BLTTHS năm 2015 nên sửa đổi như sau: “Trong trường hợp bị cáo trốn và việc truy nã không có kết quả hoặc bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa thì *cần tách*

trách nhiệm của bị cáo vắng mặt thành vụ án riêng sau khi có kết luận việc áp giải bị cáo không thể thực hiện”.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về quyền được suy đoán vô tội.

Tác giả kiến nghị nội dung của Điều 13 BLTTHS năm 2015 nên được bổ sung như sau:

Điều 13. Suy đoán vô tội

Người bị buộc tội được coi là không có tội.....

Khi không đủ hoặc không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội không có tội. Mọi hoài nghi hoặc trong trường hợp có nội dung không rõ ràng thì phải giải thích và áp dụng theo hướng có lợi cho người bị buộc tội. Mọi sự buộc tội phải được chứng minh theo trình tự, thủ tục đến khi không còn bất kỳ nghi ngờ nào khác.

Thứ tư, hoàn thiện các quy định về quyền được sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình và quyền được hỗ trợ phiên dịch miễn phí

Tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 70 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 70. Người phiên dịch, người dịch thuật

1. Người phiên dịch, người dịch thuật trong trường hợp có người tham gia tố tụng không hiểu, không sử dụng thành thạo được tiếng Việt hoặc có tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt.

2. Giữ nguyên

3. Người phiên dịch, người dịch thuật có nghĩa vụ:

a) Giữ nguyên

b) Phiên dịch, dịch thuật trung thực, đầy đủ. Nếu phiên dịch, dịch thuật gian dối, không đầy đủ thì người phiên dịch, người dịch thuật phải chịu trách nhiệm

Đồng thời, cần bổ sung quy định này thành quyền của bị cáo trong Điều 61 BLTTHS năm 2015 đó là bị cáo “được sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong trường hợp không hiểu, không sử dụng thành thạo được tiếng Việt hoặc có tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt thì được hỗ trợ phiên dịch miễn phí”.

3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định của luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa nhằm bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Tác giả kiến nghị nên bổ sung khoản 3 Điều 322 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 322. Tranh luận tại phiên tòa

1. Giữ nguyên
2. Giữ nguyên
3. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian và số lần tranh luận, phải tạo điều kiện cho....
4. *Những người tham gia tranh luận có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hoặc Chủ tọa phiên tòa tự mình yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến... mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.*
5. Giữ nguyên

3.2.1.3. Hoàn thiện các quy định của luật tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, cần giới hạn quy định các trường hợp trả hồ sơ bổ sung của Tòa án. Tác giả kiến nghị cần bỏ điểm b và c khoản 1 Điều 280

BLTTHS năm 2015, chỉ cho phép Tòa án trả hồ sơ trong trường hợp tại khoản a và d của Điều này.

Thứ hai, cần sửa đổi quy định về chứng minh tội phạm của Tòa án. Để đưa Tòa án về đúng chức năng của mình và bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, tác giả cho rằng cần bỏ quy định về trách nhiệm chứng minh tội phạm của Tòa, nếu quy định trách nhiệm chứng minh của Tòa án thì Tòa án chỉ có trách nhiệm chứng minh tính căn cứ và lý do khi đưa ra phán quyết của mình. Đồng thời, để phân định rõ trách nhiệm của Tòa án trong nhóm các cơ quan tố tụng tại Điều 15 BLTTHS năm 2015 thì nên chia các chủ thể tham gia tố tụng theo từng chức năng của họ như chủ thể buộc tội, chủ thể bào chữa và chủ thể xét xử thay cho Điều 34 BLTTHS năm 2015.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật khác

3.2.2.1. Hoàn thiện các qui định của Luật Tổ chức Tòa án năm 2024 về bảo đảm sự độc lập của Hội thẩm trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, cần bổ sung quy định phân công, lựa chọn Hội thẩm. Cần có những nghiên cứu cụ thể về quy định quyền hạn của Chánh án trong việc phân công, lựa chọn ngẫu nhiên Hội thẩm tại Điều 44 BLTTHS năm 2015 và Điều 135 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024.

Thứ hai, cần nghiên cứu thời gian hợp lý để Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử có đủ điều kiện nghiên cứu hồ sơ vụ án. Theo tác giả cần quy định cụ thể thời gian Hội thẩm được nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa và ít nhất thời gian của Hội thẩm cũng phải bảo đảm bằng với thời gian nghiên cứu của Thẩm phán theo khoản 1 Điều 277 BLTTHS năm 2015.

3.2.2.2. Hoàn thiện các quy định về kiểm sát, giám sát việc thực thi quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Về quy định kiểm sát của Viện kiểm sát. Tác giả đề nghị các nhà lập pháp cần có những nghiên cứu sâu hơn về thẩm quyền kiểm sát của Viện kiểm sát. Ngoài ra, cũng cần xác định rõ phạm vi kiểm sát của Viện kiểm sát trong BLTTHS để thống nhất với quy định của Hiến pháp hiện hành khi “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, *kiểm sát hoạt động tư pháp*” chứ không phải là “Viện kiểm sát *kiểm sát việc tuân theo pháp luật* trong TTHS” như quy định của BLTTHS năm 2015.

Về quy định giám sát của Quốc hội, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức khác: Cần xác định rõ phạm vi giám sát của Quốc hội để vừa thực hiện tốt việc giám sát vĩ mô vừa không can thiệp sâu vào hoạt động chuyên môn của Tòa án và nguyên tắc độc lập xét xử. Đồng thời, cần bảo đảm hoạt động giám sát của các tổ chức xã hội, cơ quan truyền thông, phải coi sự giám sát của báo chí và truyền thông là phương tiện giúp tăng cường hoạt động của cơ quan tư pháp và tăng cường bảo đảm các quyền con người.

3.2.2.3. Cần có các văn bản hướng dẫn đối với các quy định của luật Tư pháp người chưa thành niên sau khi luật có hiệu lực về quyền của người chưa thành niên trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Tác giả cho rằng pháp luật cần có quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của từng chủ thể trong hoạt động tố tụng đối với việc bảo vệ thông tin cá nhân của người chưa thành niên trong những trường hợp cụ thể và cần có cơ chế xử lý trách nhiệm đối với từng chủ thể về những trường hợp vi phạm. Đồng thời, cần có quy định việc đọc quyết định của bản án trong trường hợp xét xử kín không dẫn đến việc xác định được danh tính của bị cáo.

3.2.3. Một số giải pháp khác

Thứ nhất, giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử bởi Tòa án độc lập, khách quan, công bằng và vô tư

Để quyền con người của bị cáo được bảo đảm cần có những giải pháp bảo đảm sự độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm đó là việc: i) Khẳng định địa vị và vị thế đặc biệt của Thẩm phán, không nên coi Thẩm phán là công chức thông thường mà cần có quy định ngạch quan chức tư pháp riêng; ii) Hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán bảo đảm sự công khai, công bằng, khách quan tránh sự tác động của cá nhân lãnh đạo hoặc Tòa án cấp trên; iii) Cải thiện cơ bản chế độ lương, thưởng, phụ cấp và điều kiện làm việc cho Thẩm phán, Hội thẩm; iv) Hạn chế và tiến tới loại bỏ sự ảnh hưởng của mối quan hệ hành chính giữa lãnh đạo Tòa án với Thẩm phán.

Hai là, xác định rõ mối liên hệ giữa Tòa án với các cơ quan khác trong hệ thống chính trị. Để cho hoạt động của Tòa án được độc lập trong mối quan hệ với các cơ quan khác trong cùng hệ thống chính trị cần xác định phạm vi giám sát của cơ quan lập pháp (Quốc hội) và Hội đồng nhân dân với hoạt động của Tòa án. Việc giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân chỉ nên thực hiện trên phương diện vĩ mô, xem xét và đánh giá báo cáo hoạt động xét xử hằng năm của Chánh án Tòa án tối cao/Chánh án Tòa án địa phương, chứ không yêu cầu giải trình, chất vấn về một vụ án cụ thể.

Thứ hai, các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công khai, nhanh chóng, kịp thời, không bị trì hoãn vô lý

Một là, cần hạn chế các trường hợp phải hoãn phiên tòa. Trước mắt Tòa án cần hạn chế các trường hợp phải hoãn phiên tòa nhiều lần bằng các biện pháp theo dõi, nắm bắt sớm thông tin về khả năng có mặt, vắng mặt

của bị cáo, người làm chứng, bị hại... để có giải pháp bảo đảm sự có mặt của họ. Đồng thời, cũng cần nhận thức rõ việc xét xử kịp thời là xét xử ngay lập tức mà không bị trì hoãn *khi đủ các điều kiện cần thiết*, nghĩa là việc xét xử không nên quá chậm làm ảnh hưởng đến quyền được xét xử kịp thời hay quá nhanh làm ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị cáo.

Hai là, cần mở rộng quyền được tham gia đầy đủ của người dân trong suốt thời gian xét xử tại phiên tòa. Để bảo đảm sự giám sát từ phía người dân và xã hội, đặc biệt là những phiên xử các vụ án lớn, các vụ án được dư luận đặc biệt quan tâm thì cơ quan Tòa án cần có sự sắp xếp, bố trí phòng xử án; khu vực chỗ ngồi; khu vực cách ly; trang bị hệ thống màn hình để chia sẻ âm thanh, hình ảnh một cách trực tiếp, đầy đủ, rõ ràng nhằm bảo đảm sự theo dõi của những người có nhu cầu tham dự phiên tòa, thiết nghĩ việc hạn chế người tham dự phiên tòa chỉ khi thật sự cần thiết hoặc khi những người tham dự có vi phạm các quy định về nội quy phiên tòa.

Thứ ba, các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền bào chữa, quyền được tranh tụng bình đẳng, quyền được xét xử công bằng

Việc bảo đảm cho việc ghi chép, tra cứu thông tin của bị cáo tại phiên tòa như bố trí bàn ghi chép, giấy, bút cho bị cáo là cơ sở hữu hiệu để bị cáo thực hiện đầy đủ các quyền của mình, đặc biệt là quyền bào chữa.

Cần tạo ra cơ chế bình đẳng cho các bên khi thực hiện tranh tụng và thực hiện các quyền của mình; đồng thời trong quá trình xét xử HĐXX phải ở trạng thái trung lập, không áp đặt ý chí chủ quan hoặc suy đoán có tội đối với bị cáo, không hạn chế thời gian trình bày lời bào chữa.

Xây dựng văn hóa pháp đình, tinh thần thượng tôn và tuân thủ pháp luật, xây dựng cách ứng xử có văn hóa, văn minh và tôn trọng nhau giữa những người tiến hành tố tụng với những người tham gia tố tụng. Phải xem bị cáo

tại phiên toà là người chưa có tội nên phải ứng xử thật văn hoá, tránh mệt thị, coi thường.

Song với đó, cần nâng cao chất lượng và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng mà đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán và Kiểm sát.

Thứ tư, các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử theo thủ tục đặc biệt đối với người bị cáo buộc phạm tội là người chưa thành niên

Một là, chú trọng nâng cao chất lượng lẫn tăng cường số lượng đội ngũ Thẩm phán Tòa Gia đình và người chưa thành niên, bên cạnh việc nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ Thẩm phán cũng cần đồng thời xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên và Điều tra viên chuyên trách ở giai đoạn điều tra, truy tố đối với những bị can là người chưa thành niên.

Hai là, cần sớm tiến hành việc thành lập các Tòa án chuyên trách ở các địa phương, đặc biệt là việc thành lập các Tòa gia đình và người chưa thành niên; đồng thời với việc tăng cường thành lập mới số lượng Tòa Gia đình và người chưa thành niên thì quá trình thành lập phải bảo đảm quy chuẩn của các tòa này theo Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối.

KẾT LUẬN

Luận án đã khái quát và phân tích làm rõ một số nội dung sau:

1. Luận án đã nêu lên được những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, chỉ ra được nội dung của bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Từ việc xác định rõ nội hàm các quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, luận án tiếp tục xác định nội dung của việc bảo đảm các quyền con người này. Đồng thời, phân tích và đánh giá cơ chế bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

2. Luận án đã phân tích và đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam. Để có cơ sở cho việc đánh giá thực tiễn, luận án đã khái quát các quy định của BLTTHS Việt Nam về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Từ đó phân tích và đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để chỉ ra những kết quả, hạn chế, vướng mắc và những nguyên nhân của nó.

3. Luận án đã đưa ra các yêu cầu bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và kiến nghị giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Trong giới hạn của luận án, tác giả tập trung vào các giải pháp hoàn thiện các quy định của BLTTHS hiện hành. Bên cạnh đó, tác giả cũng kiến nghị một số giải pháp khác cũng có tác động đến việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp; đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động xét xử;.....

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

1. Nguyễn Anh Hoàng (2023), *Bảo đảm nguyên tắc độc lập của tòa án trong việc xét xử theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Vol 39 No 3.

2. Nguyễn Anh Hoàng (2023), *Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, Số 06/2023.

3. Nguyễn Anh Hoàng (2023), *Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo luật tố tụng hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 329 - 06/2023.